

Chính đạo trong phát triển kinh tế tuần hoàn số tại Việt Nam

ISSN: 2734-9195 10:19 15/12/2025

Triết lý Phật giáo, với tinh thần tỉnh thức, tiết độ và trách nhiệm, nhấn mạnh sự hài hòa giữa vật chất, tinh thần và môi trường, định hướng con người sử dụng công nghệ một cách bền vững và có trí tuệ.

Tác giả: **Thích nữ Liên Hiền**

Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo - Viện Nghiên cứu Phật học

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, mô hình kinh tế tuần hoàn đang được xem như một hướng đi “chính đạo” cho sự phát triển – con đường dung hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống. Bài viết tập trung phân tích thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam trong thời kỳ số hóa, chỉ ra những mối liên hệ tương duyên giữa công nghệ, con người và chính sách trong quá trình chuyển đổi. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất định hướng xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn số dựa trên tinh thần tỉnh thức, tiết độ và trách nhiệm, phù hợp với giá trị của triết lý Phật giáo về sự cân bằng, tái sinh và phát triển bền vững. Bài viết góp phần bổ sung góc nhìn nhân văn trong việc hoạch định chính sách và thực thi chiến lược phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam, hướng tới một tương lai xanh, thông minh và hài hòa giữa con người với tự nhiên.

Từ khóa: Kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số, chính đạo phát triển, Việt Nam, Phật giáo.

Abstract: In the context of rapid global digital transformation, the circular economy model is increasingly regarded as a “right path” for development—a pathway that harmonizes economic growth, environmental protection, and the improvement of quality of life. This article focuses on analyzing the current state of circular economy development in Vietnam during the digitalization era, highlighting the interdependent relationships among technology, people, and policy throughout the transformation process. On this basis, the study proposes orientations for building a digital circular economy model grounded in the spirit

of mindfulness, moderation, and responsibility, in alignment with Buddhist philosophical values of balance, regeneration, and sustainable development. The article contributes a humanistic perspective to policy formulation and the implementation of circular economy development strategies in Vietnam, aiming toward a green, intelligent, and harmonious future between humans and nature.

Keywords: Circular economy, digital transformation, right path of development, Vietnam, Buddhism.

1. Đặt vấn đề:

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số diễn ra sâu rộng, mô hình kinh tế tuyến tính “khai thác – sản xuất – tiêu dùng – thải bỏ” đang dần bộc lộ những giới hạn về tài nguyên, môi trường và tăng trưởng bền vững. Việt Nam, với định hướng phát triển xanh và kinh tế tri thức, đã và đang chuyển mình sang mô hình kinh tế tuần hoàn. Tuy nhiên, tiến trình này vẫn đối diện với nhiều thách thức, từ nhận thức xã hội, năng lực công nghệ, khung pháp lý cho đến khả năng thích ứng của doanh nghiệp.

Từ góc nhìn triết lý Phật giáo, “chính đạo” biểu trưng cho con đường phát triển đúng đắn, hướng đến sự hài hòa giữa vật chất và tinh thần, giữa con người và tự nhiên. Trên tinh thần đó, bài viết xem kinh tế tuần hoàn số như một biểu hiện của “chính đạo” trong phát triển – con đường vừa tận dụng sức mạnh của công nghệ, vừa nuôi dưỡng ý thức tỉnh thức và trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và thế hệ tương lai.

2. Tổng quan nghiên cứu:

2.1. Nghiên cứu quốc tế

Trong hơn một thập niên qua, khái niệm kinh tế tuần hoàn (Circular Economy) đã trở thành xu hướng trung tâm trong chiến lược phát triển bền vững toàn cầu. Các nghiên cứu của Ellen MacArthur Foundation (2019), OECD (2021) và World Economic Forum (2022) đều khẳng định rằng mô hình tuần hoàn không chỉ là một giải pháp kinh tế – môi trường, mà còn là một phương thức đổi mới tư duy sản xuất và tiêu dùng dựa trên nguyên tắc “giảm thiểu – tái sử dụng – tái chế – tái sinh”. Bên cạnh đó, nhiều công trình đã chỉ ra rằng chuyển đổi số đóng vai trò như chất xúc tác thúc đẩy quá trình hiện thực hóa mô hình tuần hoàn thông qua các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), Internet vạn vật (IoT), và phân tích dữ liệu lớn (Big Data). Những công nghệ này giúp

theo dõi vòng đời sản phẩm, tối ưu hóa dòng vật liệu, giảm chi phí giao dịch và nâng cao tính minh bạch trong chuỗi cung ứng.

Tuy nhiên, các học giả quốc tế cũng nhấn mạnh rằng công nghệ chỉ là phương tiện, không phải mục tiêu cuối cùng. Tính bền vững thực sự của kinh tế tuần hoàn phụ thuộc vào sự thay đổi trong nhận thức xã hội, hành vi tiêu dùng, thể chế quản trị và đạo đức kinh doanh (Geissdoerfer et al., 2020; Kirchherr et al., 2021). Điều này cho thấy nhu cầu kết hợp giữa đổi mới công nghệ và đổi mới văn hóa phát triển, hướng tới một nền kinh tế vừa hiệu quả, vừa nhân văn.

2.2. Nghiên cứu trong nước

Tại Việt Nam, nhiều công trình và báo cáo chiến lược trong những năm gần đây đã tiếp cận và triển khai mô hình kinh tế tuần hoàn ở cấp độ quốc gia và doanh nghiệp. Viện Chiến lược Phát triển (2022), UNDP Việt Nam (2023) và Bộ Tài nguyên & Môi trường (2024) đều xác định kinh tế tuần hoàn là một trong những trụ cột của Chiến lược tăng trưởng xanh và Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030. Các nghiên cứu trong nước tập trung vào việc phân tích khung pháp lý, cơ chế chính sách, mô hình thí điểm và tiềm năng ứng dụng công nghệ số trong quản lý rác thải, năng lượng tái tạo, sản xuất xanh và nông nghiệp thông minh. Một số công trình đã bước đầu đề cập đến vai trò của chuyển đổi số trong việc tối ưu hóa quản trị tài nguyên, minh bạch hóa chuỗi giá trị và thúc đẩy tiêu dùng bền vững.

Tuy nhiên, khoảng trống nghiên cứu vẫn còn hiện hữu. Phần lớn các công trình hiện nay chủ yếu tập trung vào khía cạnh kỹ thuật, kinh tế và chính sách, trong khi các yếu tố về văn hóa, nhận thức, và giá trị con người trong mô hình phát triển tuần hoàn số chưa được khai thác sâu. Đặc biệt, mối quan hệ tương hỗ giữa công nghệ số, đạo đức phát triển và triết lý nhân văn – vốn là nền tảng của một xã hội bền vững – vẫn chưa được nghiên cứu một cách hệ thống.

2.3. Khoảng trống và hướng tiếp cận mới

Khoảng trống lớn nhất hiện nay là thiếu vắng cách tiếp cận liên ngành kết nối kinh tế học, công nghệ học và triết học phát triển. Phần lớn các công trình mới dừng lại ở mô tả hiện trạng và đề xuất chính sách, mà chưa luận giải sâu về bản chất tinh thần của sự phát triển bền vững – yếu tố tạo nên “đạo lý” cho nền kinh tế tuần hoàn.

Từ góc nhìn triết lý Phật giáo, có thể xem phát triển bền vững như một “chính đạo” – con đường đúng đắn hướng đến sự cân bằng giữa con người, công nghệ và tự nhiên. Mối quan hệ “tương duyên” giữa các yếu tố kinh tế, xã hội và môi

trường phản ánh tinh thần vô ngã – tương sinh – tái sinh, vốn là bản chất của kinh tế tuần hoàn. Do đó, việc nghiên cứu kinh tế tuần hoàn số theo tinh thần chính đạo không chỉ góp phần bổ sung khung lý luận phát triển bền vững, mà còn mở ra hướng tiếp cận nhân văn, tỉnh thức và toàn diện hơn cho chính sách phát triển ở Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu: Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với phân tích – tổng hợp tài liệu nhằm làm rõ mối quan hệ giữa kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi số trong bối cảnh Việt Nam. Trước hết, phương pháp phân tích – tổng hợp tài liệu thứ cấp được áp dụng để thu thập, chọn lọc và hệ thống hóa các nguồn dữ liệu từ báo cáo chính sách, công trình khoa học và kinh nghiệm quốc tế có liên quan.

Phân tích định tính được sử dụng để đánh giá nội dung và định hướng của các chiến lược quốc gia về kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi số, qua đó nhận diện các cơ hội và thách thức đặc thù của Việt Nam.

Bài viết áp dụng cách tiếp cận liên ngành, kết hợp tri thức kinh tế học, công nghệ học và triết học Phật giáo nhằm kiến tạo khung lý luận “chính đạo phát triển” – con đường phát triển cân bằng giữa lợi ích vật chất và giá trị tinh thần.

Phương pháp so sánh được vận dụng để đối chiếu thực tiễn Việt Nam với kinh nghiệm của một số quốc gia tiên tiến (như EU, Nhật Bản, Hàn Quốc), từ đó rút ra những bài học và gợi mở chính sách phù hợp với bối cảnh trong nước.



3. Nội dung và thảo luận

3.1. Thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam

Việt Nam đã ghi nhận những bước tiến đáng kể khi đưa mô hình kinh tế tuần hoàn (KTTH) vào chiến lược phát triển bền vững, với nhận thức ngày càng rõ về việc chuyển từ mô hình tuyến tính “khai thác – sản xuất – thải bỏ” sang mô hình tuần hoàn với việc tái sử dụng, tái chế và thiết kế lại toàn bộ chuỗi sản xuất – tiêu dùng (Nguyễn Tấn Vinh và cộng sự, 2020).

Theo Đặng Quỳnh Như & Đinh Quang Huy (2023) trong bài “Establishing a circular economy: Policies, results and some recommendations for Vietnam”, mặc dù chính sách đã được ban hành – chẳng hạn như Kế hoạch Hành động Quốc gia về KTTH đến năm 2035 – thực tế triển khai còn yếu: nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa áp dụng được các giải pháp tuần hoàn, trong khi các tập đoàn lớn mới chỉ dừng ở bước đầu.

Nghiên cứu chỉ ra rằng năng lực ứng dụng công nghệ tuần hoàn và quản lý vòng đời sản phẩm ở Việt Nam còn hạn chế, nguồn lực con người và vốn đầu tư cho đổi mới rất chênh lệch giữa doanh nghiệp lớn và nhỏ. Trong lĩnh vực nông nghiệp, bài viết “Phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp ở Việt Nam” (2024) ghi nhận rằng mặc dù mô hình như tái sử dụng phụ phẩm rơm rạ, trấu, liên kết sản xuất – vật liệu – phụ phẩm đã xuất hiện, nhưng số lượng mô hình có

đầu tư công nghệ cao còn rất ít, và việc kết nối giữa các chuỗi ngành để tạo vòng tuần hoàn khép kín vẫn chưa phổ biến.

Theo bài viết “Phát triển kinh tế tuần hoàn – những vấn đề về lý luận và thực tiễn” (Nguyễn Đình Đáp, 2021) thì nhận thức xã hội và doanh nghiệp về KTTH chưa đồng bộ – nhiều doanh nghiệp vẫn vận hành theo mô hình tuyến tính, chưa đặt vấn đề về trách nhiệm vòng đời sản phẩm và chi phí môi trường đi kèm. Do đó, dù khung pháp lý đã được hình thành (như Luật Bảo vệ môi trường, chiến lược nông nghiệp bền vững...), nhưng vẫn “chưa hoàn thiện để thúc đẩy áp dụng rộng rãi mô hình KTTH” (Do Thi Diệu Linh, 2024). Như vậy, có thể nhận định rằng Việt Nam đang ở giai đoạn đầu chuyển đổi sang KTTH: có nền tảng chính sách, có mô hình thử nghiệm, nhưng để chuyển hẳn từ kinh tế tuyến tính sang tuần hoàn vẫn cần sự đồng thuận xã hội mạnh mẽ hơn, nâng cao năng lực công nghệ cho doanh nghiệp (đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ), cũng như hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế khuyến khích và giám sát phù hợp để mở rộng phạm vi áp dụng.

3.2. Chuyển đổi số - động lực thúc đẩy kinh tế tuần hoàn

Chuyển đổi số đang trở thành một yếu tố nền tảng để thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn—vì nó không chỉ hỗ trợ công cụ kỹ thuật mà còn thay đổi cách thức quản trị, vận hành và thiết kế chuỗi giá trị sản phẩm. Theo Ivana Marković & Mirjana Jemović (2024), trong bài “Artificial Intelligence, Big Data and IoT in Circular Economy: Research Trends and Perspectives”, các công nghệ như AI, Big Data và IoT đóng vai trò then chốt trong việc tích hợp vòng đời sản phẩm, ưu tiên tái sử dụng và tái chế thay vì chỉ khai thác và thải bỏ.

Trên bình diện doanh nghiệp và chuỗi cung ứng, bài viết của Huynh Minh Sang (2024), “Circular Economy and Digital Transformation: Enhancing Corporate Competitiveness in the Market”, cho thấy việc kết hợp chuyển đổi số với mô hình kinh tế tuần hoàn không chỉ giúp doanh nghiệp giảm chi phí và phát thải mà còn tăng năng lực cạnh tranh – từ đó cho thấy rõ vai trò chiến lược của chuyển đổi số cho kinh tế tuần hoàn.

Ở bối cảnh Việt Nam, nghiên cứu của Mai Thi Nga, Nguyen Thi Thanh Nga & Tran Thi Thu Ha (2023) trong “The Role of Digital Transformation in the Circular Economy in Vietnamese Enterprises” khảo sát 220 doanh nghiệp cho thấy doanh nghiệp đã áp dụng chuyển đổi số thì mức độ áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn rõ rệt cao hơn nhiều so với doanh nghiệp chưa áp dụng. Điều này xác thực mối quan hệ giữa chuyển đổi số và kinh tế tuần hoàn trong thực tiễn tại Việt Nam.

Tuy nhiên, khi triển khai thực tế, vẫn có nhiều thách thức chủ yếu. Theo Nguyen Hoang Quy (2024) trong *The Role of Digital Transformation in the Circular Economy in Vietnam*, mặc dù Việt Nam đã bắt đầu tạo môi trường kỹ thuật số và đưa chuyển đổi số vào nhiều ngành, nhưng vẫn tồn tại khoảng cách về năng lực công nghệ, dữ liệu, hạ tầng và đặc biệt là văn hóa số và quản trị số trong doanh nghiệp – điều này hạn chế khả năng khai thác chuyển đổi số để thúc đẩy kinh tế tuần hoàn mạnh mẽ.

Từ phân tích trên, có thể nhận định rằng: để chuyển đổi số thật sự trở thành động lực mạnh mẽ cho mô hình kinh tế tuần hoàn, cần không chỉ đầu tư công nghệ mà còn phải thay đổi cách tiếp cận quản trị – tức là doanh nghiệp phải chuyển từ tư duy “sản xuất – tiêu dùng – thải bỏ” sang “vòng đời – tái sử dụng – tái chế” với hỗ trợ của nền tảng số. Chính sách nhà nước, cơ chế khuyến khích và nâng cao nhận thức cộng đồng về tiêu dùng bền vững cũng đóng vai trò then chốt – vì công nghệ dù tốt nhưng nếu không có môi trường vận hành phù hợp thì sẽ khó chuyển đổi thành kết quả thực.

Vì vậy, ở Việt Nam, để khai thác tối đa lợi ích của chuyển đổi số trong kinh tế tuần hoàn, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp: nâng cao hạ tầng số và dữ liệu, nâng cao năng lực doanh nghiệp (đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ) về quản trị số và vận hành số, thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp hướng tới tuần hoàn, và hoàn thiện khung chính sách để khuyến khích áp dụng công nghệ cho vòng đời sản phẩm và tái sử dụng tài nguyên.

3.3. Các yếu tố tương duyên giữa công nghệ, con người và chính sách

Việc vận hành mô hình kinh tế tuần hoàn chỉ thực sự hiệu quả khi ba trụ cột – công nghệ, con người và chính sách – cùng nhau vận hành trong mối tương duyên chặt chẽ, mỗi yếu tố vừa giữ vai trò riêng, vừa hỗ trợ lẫn nhau. Trong đó, công nghệ (như hệ thống Big Data, IoT, AI, blockchain) đóng vai trò như phương tiện vật lý giúp quản lý vòng đời sản phẩm, tối ưu hóa sử dụng tài nguyên và giảm phát thải (Geissdoerfer et al., 2020; Lieder & Rashid, 2016). Tuy nhiên, nếu yếu tố con người – tức doanh nghiệp, người tiêu dùng, cộng đồng – không chấp nhận, không thay đổi hành vi, không vận hành công nghệ ấy một cách có ý thức về tuần hoàn, thì công nghệ sẽ chỉ dừng ở tiềm năng.

Các nghiên cứu tại Việt Nam cho thấy nhận thức về kinh tế tuần hoàn ở doanh nghiệp còn yếu, thói quen tiêu dùng vẫn hướng vào tuyến tính “sản xuất – tiêu dùng – thải bỏ” là rào cản lớn.

Cùng với đó, chính sách nhà nước là khung định hướng và điều tiết: bằng việc ban hành các quy định, tiêu chuẩn, khuyến khích, giám sát... giúp tạo điều kiện

và bắt buộc cho doanh nghiệp và xã hội chuyển sang mô hình tuần hoàn. Nếu chính sách không đồng bộ, thiếu cơ chế giám sát và khuyến khích thì dù có công nghệ tốt và con người có ý thức, vẫn khó lan rộng mô hình tuần hoàn do thiếu cấu trúc hỗ trợ.

Từ góc nhìn Phật giáo, mối quan hệ này được hiểu sâu như một nguyên lý tương sinh – tương duyên: tất cả hiện tượng đều sinh khởi phụ thuộc lẫn nhau (nguyên lý *pratītyasamutpāda*, duyên sinh). Ví dụ trong tác phẩm *Introduction to Buddhist Economics: The Relevance of Buddhist Values in Contemporary Economy and Society* (Ng Ernest C. H., 2020) tác giả sử dụng các nền tảng giáo lý như vô thường, duyên khởi, không ngã để chỉ ra rằng nền kinh tế bền vững phải là kinh tế mà con người nhận thức rõ sự phụ thuộc và tương hỗ giữa con người – thiên nhiên – xã hội. Hơn nữa, trong bài viết *The Benefit of Circular Economy in Buddhist Ecological Society* (Khaw Ngern et al., 2020), tác giả phân tích rằng từ quan điểm Phật giáo, khủng hoảng môi trường bắt nguồn từ “tham dục, vô minh” (*greed and ignorance*) – do đó, chỉ khi con người chuyển hóa nhận thức thì mô hình như kinh tế tuần hoàn mới thực sự phát huy tác dụng.

Từ các phân tích trên, có thể nhận định rằng việc thực hiện kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam đòi hỏi sự tương duyên đồng bộ giữa ba yếu tố chủ chốt: công nghệ, con người và chính sách. Công nghệ, với vai trò công cụ quản lý vòng đời sản phẩm, tối ưu hóa nguồn lực và giảm phát thải, sẽ chỉ phát huy hiệu quả khi được con người vận hành với nhận thức đầy đủ về giá trị tuần hoàn, thay vì chỉ nhằm lợi ích kinh tế ngắn hạn (Geissdoerfer et al., 2020; Lieder & Rashid, 2016). Trong khi đó, con người đóng vai trò quyết định trong việc chấp nhận và thực thi các mô hình tuần hoàn; sự thay đổi nhận thức và hành vi tiêu dùng là điều kiện tiên quyết để các giải pháp công nghệ có thể vận hành hiệu quả (Vu Thuy An, 2025). Chính sách nhà nước tạo ra khung pháp lý, cơ chế khuyến khích và giám sát, đảm bảo rằng công nghệ và con người không hoạt động tách rời, mà hướng tới các mục tiêu bền vững chung (Nguyen Hoang Nam et al., 2025).

Góc nhìn Phật giáo cung cấp một khung lý luận bổ sung cho mô hình này. Theo nguyên lý duyên sinh (*pratītyasamutpāda*), các yếu tố tồn tại và phát triển phụ thuộc lẫn nhau; trong bối cảnh kinh tế tuần hoàn, công nghệ, con người và chính sách không tồn tại độc lập mà tác động qua lại, thúc đẩy nhau, tạo nền tảng cho “chính đạo phát triển” – cân bằng giữa vật chất, tinh thần và môi trường (Khaw Ngern et al., 2020). Phật giáo cũng nhấn mạnh việc chuyển hóa nội tại: từ tham muốn tiêu dùng vô độ sang nhận thức tái sử dụng, từ vô minh thành trí tuệ, qua đó nâng cao đạo đức và trách nhiệm xã hội trong việc áp dụng công nghệ và tuân thủ chính sách.

Tóm lại, để kinh tế tuần hoàn thực sự trở thành hiện thực ở Việt Nam, ba yếu tố này cần được đồng bộ và tương hỗ. Nghiên cứu chỉ ra rằng:

1. Công nghệ cần được nâng cao và triển khai trong khuôn khổ nhận thức tuần hoàn.
2. Con người phải thay đổi hành vi và phát triển văn hóa tiêu dùng bền vững.
3. Chính sách cần hoàn thiện, tạo cơ chế giám sát, khuyến khích và định hướng chiến lược.

Chỉ khi ba yếu tố này vận hành hài hòa, mô hình kinh tế tuần hoàn mới trở thành hệ sinh thái bền vững, đồng thời thể hiện được tinh thần “chính đạo phát triển” – không chỉ tối ưu hóa tài nguyên mà còn bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng đời sống tinh thần và đạo đức xã hội.

3.4. Định hướng phát triển “kinh tế tuần hoàn số” theo tinh thần chính đạo

Trên cơ sở phân tích thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam và mối quan hệ tương duyên giữa công nghệ, con người và chính sách, định hướng phát triển kinh tế tuần hoàn số cần gắn kết chuyển đổi số – phát triển bền vững – giá trị nhân văn như sau:

1. Kết hợp chuyển đổi số với phát triển bền vững: Ứng dụng các công nghệ số tiên tiến như Big Data, IoT, AI và blockchain không chỉ nhằm tối ưu hóa vòng đời sản phẩm, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và giảm phát thải, mà còn phải phục vụ mục tiêu nhân văn và môi trường, cân bằng giữa lợi ích kinh tế và trách nhiệm sinh thái. Công nghệ trở thành công cụ quản trị bền vững, không chỉ là phương tiện tăng lợi nhuận ngắn hạn (Geissdoerfer et al., 2020; Lieder & Rashid, 2016).

2. Phát triển năng lực doanh nghiệp và xã hội: Nhận thức và hành vi của con người là điều kiện quyết định hiệu quả của kinh tế tuần hoàn số. Việt Nam cần tập trung nâng cao văn hóa tuần hoàn, năng lực quản trị và kỹ năng sử dụng công nghệ, đồng thời khuyến khích tiêu dùng có trách nhiệm. Khi doanh nghiệp và xã hội vận hành với tư duy tuần hoàn, các giải pháp số mới phát huy tối đa tiềm năng và lan tỏa bền vững (Vu Thuy An, 2025).

3. Hoàn thiện chính sách và cơ chế khuyến khích: Một môi trường pháp lý đồng bộ và minh bạch là nền tảng để công nghệ và nhận thức con người vận hành hiệu quả. Cần xây dựng hành lang pháp lý, cơ chế tài chính, tiêu chuẩn kỹ thuật và chính sách khuyến khích, đảm bảo tuân thủ, đo lường kết quả và thúc

đẩy áp dụng tuần hoàn số trên diện rộng (Nguyen Hoang Nam et al., 2025).

4. Tích hợp giá trị nhân văn và triết lý Phật giáo: Phát triển kinh tế tuần hoàn số không thể tách rời đạo đức và nhận thức. Lấy tinh thần tỉnh thức, tiết độ và trách nhiệm làm nền tảng, mô hình này hướng tới hài hòa giữa con người, công nghệ và tự nhiên, đồng thời chuyển hóa hành vi từ tham muốn vô độ sang trí tuệ và sáng suốt trong tiêu dùng và quản lý tài nguyên (Khaw Ngern et al., 2020).

Tóm lại, hướng phát triển kinh tế tuần hoàn số theo tinh thần chính đạo tại Việt Nam là một hệ sinh thái tương duyên: công nghệ, con người, chính sách và giá trị nhân văn vận hành đồng bộ, hỗ trợ lẫn nhau để vừa tối ưu hóa hiệu quả kinh tế, vừa bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng đời sống tinh thần – hiện thực hóa khái niệm “chính đạo phát triển” trong bối cảnh số hóa và toàn cầu hóa.

4. Kết luận

Phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam tuy đã có những bước tiến tích cực, nhưng vẫn đối mặt với thách thức về năng lực công nghệ, nhận thức xã hội và khung pháp lý chưa hoàn chỉnh.

Phân tích cho thấy, để kinh tế tuần hoàn vận hành hiệu quả, cần sự tương duyên đồng bộ giữa công nghệ, con người và chính sách, đồng thời gắn kết với giá trị nhân văn và triết lý Phật giáo.

Chuyển đổi số đóng vai trò động lực chủ đạo, cung cấp công cụ quản lý vòng đời sản phẩm, tối ưu hóa tài nguyên và giảm phát thải, nhưng chỉ phát huy hiệu quả khi đi cùng nhận thức tuần hoàn của doanh nghiệp và xã hội cũng như khung chính sách đồng bộ.

Triết lý Phật giáo, với tinh thần tỉnh thức, tiết độ và trách nhiệm, nhấn mạnh sự hài hòa giữa vật chất, tinh thần và môi trường, định hướng con người sử dụng công nghệ một cách bền vững và có trí tuệ.

Vì vậy, định hướng phát triển “kinh tế tuần hoàn số theo tinh thần chính đạo” cần đồng bộ bốn trụ cột: ứng dụng công nghệ số gắn với phát triển bền vững; nâng cao năng lực, văn hóa và nhận thức con người; hoàn thiện chính sách, cơ chế khuyến khích và tiêu chuẩn kỹ thuật; tích hợp giá trị nhân văn và đạo đức trong quản trị kinh tế. Khi bốn yếu tố này vận hành đồng bộ, Việt Nam sẽ hình thành một hệ sinh thái tuần hoàn bền vững, vừa tối ưu hóa lợi ích kinh tế, vừa bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sống, hiện thực hóa tinh thần chính đạo phát triển trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập toàn cầu.

Tác giả: **Thích nữ Liên Hiền** - Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Nghiên cứu Phật học.

Tài liệu tham khảo

Quốc tế:

1. Ellen MacArthur Foundation. (2019). Completing the picture: How the circular economy tackles climate change, Ellen MacArthur Foundation.
2. OECD. (2021). OECD work on the circular economy, Organisation for Economic Co-operation and Development.
3. World Economic Forum. (2022). Circular economy: Global best practices and opportunities, World Economic Forum.
4. Geissdoerfer, M., Savaget, P., Bocken, N. M. P., & Hultink, E. J. (2020). The Circular Economy – A new sustainability paradigm Journal of Cleaner Production, 143, 757–768.
5. Kirchherr, J., Reike, D., & Hekkert, M. (2021). Conceptualizing the circular economy: An analysis of 114 definitions, Resources, Conservation and Recycling, 127, 221–232.
6. Lieser, M., & Rashid, A. (2016). Towards circular economy implementation: A comprehensive review in context of manufacturing industry, Journal of Cleaner Production, 115, 36–51.
7. Ivana Marković, & Mirjana Jemović. (2024). Artificial Intelligence, Big Data and IoT in Circular Economy: Research Trends and Perspectives, Sustainable Production Journal, 12(3), 45–62.
8. Ng, Ernest C. H. (2020). Introduction to Buddhist Economics: The Relevance of Buddhist Values in Contemporary Economy and Society, Singapore: Springer.
9. Khaw Ngern, T., et al. (2020). The Benefit of Circular Economy in Buddhist Ecological Society, Journal of Ecological Economics, 7(2), 101–115.

Trong nước:

10. Viện Chiến lược Phát triển. (2022). Chiến lược phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
11. UNDP Việt Nam. (2023). Báo cáo thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi số tại Việt Nam, United Nations Development Programme.
12. Bộ Tài nguyên & Môi trường. (2024). Chiến lược tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn đến 2030, Bộ Tài nguyên & Môi trường.
13. Nguyễn Tấn Vinh, & cộng sự. (2020). Phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp, Tạp chí Kinh tế & Quản lý.
14. Đặng Quỳnh Như, & Đinh Quang Huy. (2023). Establishing a circular economy: Policies, results and some recommendations for Vietnam, Vietnam Economic Review, 5(1), 15–28.

15. Nguyễn Đình Đáp. (2021). Phát triển kinh tế tuần hoàn – những vấn đề về lý luận và thực tiễn, Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam, 19(4), 33–45.
16. Do Thi Diệu Linh. (2024). Các vấn đề về chính sách thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam, Tạp chí Quản lý Môi trường, 12(2), 50–63.
17. Huynh Minh Sang. (2024). Circular Economy and Digital Transformation: Enhancing Corporate Competitiveness in the Market, Journal of Vietnamese Business, 8(1), 78–92.
18. Mai Thi Nga, Nguyen Thi Thanh Nga, & Tran Thi Thu Ha. (2023). The Role of Digital Transformation in the Circular Economy in Vietnamese Enterprises, Vietnam Journal of Technology and Management, 10(2), 110–124.
19. Nguyen Hoang Quy. (2024). The Role of Digital Transformation in the Circular Economy in Vietnam, Vietnam Economic Development Journal, 15(1), 55–70.
20. Vu Thuy An. (2025). Nâng cao nhận thức và hành vi tuần hoàn trong doanh nghiệp Việt Nam, Tạp chí Kinh tế và Phát triển bền vững, 11(1), 20–36.
21. Nguyen Hoang Nam, et al. (2025). Chính sách thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi số tại Việt Nam, Tạp chí Quản lý Nhà nước, 14(2), 40–58.